

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG M XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **301/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 17-8-2023

V/v: Tranh chấp về ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG M XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Dũng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Công Đoàn

Ông Trương Hoài Nam

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 175/2023/TLST-HNGĐ ngày 15/5/2023, về việc: “Tranh chấp về ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2023/QĐXX-HNGĐST ngày 14/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31/7/2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông **Đào Bình H**, sinh năm 1961;

Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay tại: Thôn M, xã Q, huyện K, thành phố Hà Nội.

**- Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1961;

Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay tại: Thôn M, xã Q, huyện K, thành phố Hà Nội.

(Ông H có mặt và bà H1 vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn - ông Đào Bình H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Nguyễn Thị H1 kết hôn ngày 20/01/1981 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện K, thành phố Hà Nội. Sau khi cưới, tôi và bà H1 sống với nhau tương đối hoà thuận. Đến năm 2007, con trai tôi bị ốm chết; tôi và bà H1 bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, tôi đi làm quanh năm ít khi về nhà. Vợ chồng tôi thống nhất để tôi lấy vợ hai, cố sinh con trai để lấy người nối dõi. Sự việc trên được họ nội ngoại đồng ý, anh trai tôi và chị cả bà H1 vào tận quê vợ hai tôi hỏi tổ chức cưới ra mắt hai họ. Việc tôi có vợ hai có con trai với vợ hai là nguyện vọng của cả gia đình tôi và được họ hàng nội ngoại đôi bên đồng ý. Ngay sau đó, vợ chồng tôi có nhiều bất đồng, mâu thuẫn không thể hoà giải được. Nay, tôi xác định mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn không có khả năng hàn gắn đoàn tụ nên tôi đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho tôi được ly hôn với bà H1 trong thời gian sớm nhất để tôi sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng giữa tôi và bà H1 có 02 người con là cháu Đào Bình Q, sinh năm 1981 (chết năm 2007) và cháu Đào Thị M, sinh năm 1983.

- Về tài sản chung và công nợ chung vợ chồng: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn - bà Nguyễn Thị H1* đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà H1 không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi ý kiến trình bày về quan hệ hôn nhân, về con chung và tài sản chung, công nợ chung vợ chồng đối với bà H1.

*\* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:*

- Về tố tụng:

+ Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân huyện K đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định.

+ Thẩm phán lập hồ sơ, thu thập chứng cứ, tiến hành giao các văn bản tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, tiến hành thủ tục công khai chứng cứ và M giải; tiến hành trình tự, thủ tục tại phiên toà đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng tại phiên toà đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đào Bình H với bà Nguyễn Thị H1.

+ Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng giữa ông H và bà H1 có 02 người con là cháu Đào Bình Q, sinh năm 1981 (chết năm 2007) và cháu Đào Thị M, sinh năm 1983 đã trưởng thành trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản và công nợ chung vợ chồng: Ông H không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Ông H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **\* Về tố tụng:**

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Đào Bình H có yêu cầu xin ly hôn với bà Nguyễn Thị H1 nên đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc Tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là bà Nguyễn Thị H1 có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại thôn M, xã Q, huyện K, thành phố Hà Nội nên căn cứ vào Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội.

[3]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị H1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do và tại phiên tòa hôm nay, bà H1 vắng mặt không có lý do lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

#### **\* Về nội dung:**

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đào Bình H và bà Nguyễn Thị H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện K, thành phố Hà Nội ngày 20/01/1981. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Mặc dù, bà Nguyễn Thị H1 không đến Toà án trình bày ý kiến nhưng qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Năm 2007, con trai ông H bị ốm chết, vợ chồng ông H bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, ông H đi làm quanh năm ít khi về nhà. Vợ chồng ông H và gia đình hai bên nội ngoại đã thống nhất để ông H lấy vợ hai có sinh con trai để lấy người nối dõi. Sự việc trên được họ nội ngoại đồng ý, anh trai của ông H và chị cả của bà H1 vào tận quê vợ hai ông H ở Bắc Ninh xin hỏi cưới và tổ đã tổ chức cưới ra mắt hai họ. Hiện nay, ông H đã có con riêng với vợ hai là bà Hoàng. Ngay sau khi cưới vợ hai vợ chồng ông H có nhiều bất đồng, mâu thuẫn không thể hoà giải được. Nay, ông H xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Như vậy, tình trạng hôn nhân của ông H và bà H1 đã căng thẳng, trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục đã vi phạm Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Nay, ông H xin ly hôn với bà H1 là có căn cứ nên chấp nhận.

Tuy nhiên, cần phải kiến nghị UBND huyện K xem xét và quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Đào Bình H về hành vi: “Đang có vợ mà chung sống như vợ chồng với người khác” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 59 và các Điều 83, 89 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/4/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

[5]. Về việc nuôi con: Ông Đào Bình H và bà Nguyễn Thị H1 có 02 người con là cháu Đào Bình Q, sinh năm 1981 (đã chết năm 2007) và cháu Đào Thị M, sinh năm 1983 đã trưởng thành trên 18 tuổi. Ông H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[6]. Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

- Về án phí:

[7]. Do chấp nhận yêu cầu xin ly hôn nên ông Đào Bình H phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quyền kháng cáo:

[8]. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, các Điều 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 59 và các Điều 83, 89 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/4/2020 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đào Bình H đối với bà Nguyễn Thị H1. Ông Đào Bình H được ly hôn với bà Nguyễn Thị H1.

2. Về việc nuôi con: Ông Đào Bình H và bà Nguyễn Thị H1 có 02 người con là cháu Đào Bình Q, sinh năm 1981 (đã chết) và cháu Đào Thị M, sinh năm 1983 đã trưởng thành trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

3. Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

4. Kiến nghị UBND huyện K xem xét và quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Đào Bình H về hành vi: “Đang có vợ mà chung sống như vợ chồng với người khác” theo quy định tại Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/4/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

5. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Đào Bình H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

AA/2020/0074407 ngày 15/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hà Nội; nay chuyển thành án phí.

6. Về quyền kháng cáo:

Ông Đào Bình H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được Tòa án tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TANDTP.Hà Nội;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã Q, huyện K, thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Quang Dũng**